

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2021/DS-ST

Ngày: 27-9-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hồng Vinh

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021, Thông báo dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số: 22/TB-TA ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa số: 08/2021/TB-TA ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Trung D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Lưu Hoàng K, sinh năm 1993 (*Tên thường gọi C*).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người làm chứng:*

Nguyễn Trung T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Trần Duy Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*(anh D, anh K và anh T có mặt,
anh D xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Trung D trình bày:

Anh và anh Lưu Hoàng K là chỗ hàng xóm thân quen nên anh có cho anh K vay số tiền 410.000.000 đồng vào ngày 23/01/2021, khi vay tiền anh K có ký tên và lấn tay hai biên nhận do anh viết:

Biên nhận số tiền 310.000.000 đồng, trong thời hạn 03 tháng, không lãi suất.

Biên nhận số tiền 100.000.000 đồng, trong thời hạn 02 tháng, không lãi suất.

Anh Lưu Hoàng K tên thường gọi là C, khi anh K ký giấy vay tiền cho anh có anh Nguyễn Trung T, địa chỉ ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang chứng kiến, anh T cũng chứng kiến việc anh giao tiền cho anh K.

Sau khi vay tiền anh K có góp cho anh được 07 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng, được số tiền 14.000.000 đồng thì ngưng không góp nữa. Việc anh K góp tiền cho anh có anh Trần Duy Đ, địa chỉ ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang biết sự việc vì anh Đ nhận tiền giao lại cho anh.

Hiện tại anh K còn nợ anh số tiền 396.000.000 đồng, do anh không liên lạc được với anh K để yêu cầu anh K trả số tiền còn lại nên anh khởi kiện. Nay anh yêu cầu anh K trả cho anh số tiền 396.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi, anh yêu cầu anh K trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Lưu Hoàng K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh ha vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng anh Trần Duy Đg trình bày:

Anh là bạn của Nguyễn Trung D và có biết anh Lưu Hoàng K do ở cùng ấp, anh K có tên thường gọi ở địa phương là "C".

Việc anh D cho anh K vay tiền anh có nghe anh D nói có cho anh K góp 100.000.000 đồng, hình thức góp mỗi ngày 2.000.000 đồng, do thời gian đó anh D đi thành phố Hồ Chí Minh có việc nên có nhờ anh nhận tiền góp từ anh K dùm, ngày tháng cụ thể anh không nhớ rõ, anh chỉ nhớ trước tết âm lịch năm 2021. Anh có nhận từ anh K 07 ngày tiền góp số tiền 2.000.000 đồng/ngày,

được số tiền 14.000.000 đồng. Sau đó anh K không gửi nữa, anh nhận tiền của anh K đã gửi lại cho anh D. Khi anh K gửi tiền góp cho anh thì chỉ gửi tiền cho anh và anh báo lại cho anh D biết chứ không có ghi giấy tờ nhận tiền.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng anh Nguyễn Trung T trình bày:

Anh là cháu ruột của Nguyễn Trung D và là hàng xóm của Lưu Hoàng K, anh Lưu Hoàng K tên thường gọi là "C", ở địa phương ai cũng gọi anh K bằng tên "C".

Việc anh D cho anh K vay tiền 02 lần anh có chứng kiến việc giao tiền và anh là người đếm tiền để anh D giao cho anh K, lần đầu anh D giao cho anh K số tiền 310.000.000 đồng, lần sau anh D giao cho anh K số tiền 100.000.000 đồng. Khi anh D giao tiền xong anh K có ký tên vào biên nhận nhưng ký tên C và ghi họ tên Lưu Hoàng K và anh K có lấn tay vào biên nhận với hai ngón tay cái và một ngón tay trỏ nhưng ngón bên trái hay phải anh không nhớ rõ. Nội dung trong biên nhận là do anh D viết, anh K đồng ý rồi mới ký tên và lấn tay. Anh chỉ chứng kiến việc anh D giao tiền cho anh K, còn việc anh K có trả tiền cho anh D hay không anh không biết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trung D đối với số tiền 24.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trung D đối với số tiền 372.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Trung D khởi kiện yêu cầu anh Lưu Hoàng K trả số tiền vay 396.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét người làm chứng Nguyễn Duy Đ đã được có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa anh Nguyễn Trung D rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 24.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh D rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung D yêu cầu anh Lưu Hoàng K trả số tiền 372.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Anh D có cho anh K vay số tiền 410.000.000 đồng vào ngày 23/01/2021 làm 02 biên nhận như sau: biên nhận số tiền 310.000.000 đồng, trong thời hạn 03 tháng và biên nhận số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng. Sau khi vay tiền anh K chỉ trả cho anh D được 14.000.000 đồng còn nợ lại 396.000.000 đồng không trả nữa nên anh D khởi kiện. Anh D có cung cấp cho Tòa án biên nhận do anh K lăn tay và có chữ ký anh K ký tên "C", ghi họ tên Lưu Hoàng K.

[4.2] Tại phiên tòa anh Lưu Hoàng K thống nhất có ký tên C vào giấy biên nhận nợ số tiền 310.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, ngoài số tiền 14.000.000 đồng mà anh Trần Duy Đ đã góp của anh K thay cho anh D, anh K cho rằng số tiền 100.000.000 đồng này có 10.000.000 đồng anh D hẹn giao cho anh K sau nhưng chưa giao được và trong số tiền 310.000.000 đồng anh K có trả trước cho anh D được 14.000.000 đồng, anh K cho rằng hiện tại chỉ còn nợ anh D số tiền 372.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh D cũng thống nhất với lời trình bày của anh K là anh D còn chưa giao số tiền 10.000.000 đồng cho anh K và đồng ý trừ ra số tiền 14.000.000 đồng mà anh K cho rằng đã trả anh D trước đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh K còn nợ lại anh D số tiền 372.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D buộc anh K có nghĩa vụ trả cho anh D số tiền 372.000.000 đồng.

[4.3] Xét lời trình bày của người làm chứng Nguyễn Trung T có chứng kiến 02 lần anh K viết biên nhận nợ và trực tiếp đếm số tiền 30.000.000 đồng trong khoản vay 100.000.000 đồng mà anh D cho anh K vay. Người làm chứng anh Trần Duy Đ trình bày có góp thay anh D đối với khoản tiền 100.000.000 đồng mà anh K vay của anh D mỗi ngày 2.000.000 đồng trong 07 ngày với số tiền 14.000.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của anh D, anh K và phù hợp với diễn biến phiên tòa nên được xem là chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[4.4] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu anh K trả tiền lãi.

[4.5] Về thời gian trả tiền: Xét yêu cầu anh K xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 372.000.000 đồng, không được phía anh D đồng ý, phía anh K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của anh D làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh D. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh K trả cho anh D số tiền 372.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh D được Tòa án chấp nhận nên anh K phải chịu án phí theo quy định.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật tố tụng và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 229, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung D đối với số tiền 24.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung D.

Buộc anh Lưu Hoàng K có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Trung D số tiền 372.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi hai triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Trung D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lưu Hoàng K không trả số tiền trên thì hàng tháng anh K phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Lưu Hoàng K phải chịu 18.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Trung D 9.900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017287 ngày 16/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

